

Số: 4758
Ngày: 12/10
Chuyển: 10/18

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

QUÝ IV NĂM 2019

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	THUYẾT MINH	QUÝ IV/2018	QUÝ IV/2019	CHÊNH LỆCH	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	288.027.120.283	280.815.809.153	(7.211.311.130)	97,50
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 10 - 01)	10		288.027.120.283	280.815.809.153	(7.211.311.130)	97,50
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	208.424.454.623	186.616.503.390	(21.807.951.233)	89,54
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		79.602.665.660	94.199.305.763	14.596.640.103	118,34
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	10.570.723.270	20.153.785.687	9.583.062.417	190,66
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	(1.404.406.883)	(5.623.924.058)	(4.219.517.175)	400,45
	Trong đó : Chi phí lãi vay	23		119.332.267	860.252.551	740.920.284	720,89
8	Chi phí bán hàng	24		2.342.392.343	2.302.918.632	(39.473.711)	98,31
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.857.454.828	16.426.925.151	(430.529.677)	97,45
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }	30		72.377.948.642	101.247.171.725	28.869.223.083	139,89
	Thu nhập khác	31		1.929.657.807	4.953.213.906	3.023.556.099	256,69
11	Chi phí khác	32		11.225.866.771	3.751.925.969	(7.473.940.802)	33,42
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(9.296.208.964)	1.201.287.937	10.497.496.901	-12,92
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	50		63.081.739.678	102.448.459.662	39.366.719.984	162,41
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		14.482.969.123	17.531.821.503	3.048.852.380	121,05
15	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	-	-	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (=50-51-52)	60	VI.30	48.598.770.555	84.916.638.159	36.317.867.604	174,73
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.211	2.116		
18	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		1.211	2.116		

Giải Trình:

Trong Quý IV/2018: Sản lượng tiêu thụ là 6.628,06 tấn; Giá bán bình quân: 31.207.139 VND/tấn.

Trong Quý IV/2019: Sản lượng tiêu thụ là 5.831,62 tấn; Giá bán bình quân: 33.497.824 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ Quý IV/2019 thấp hơn Quý IV/2018. nhưng giá bán bình quân cao hơn Quý IV/2018.

(giá bán bình quân Quý IV/2019 tăng : 2.290.685 VND/tấn hay tăng 7,34 % so với Quý IV/2018)

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh Quý IV/2019 tăng 28.869.223.083 VND hay tăng 39,89% so với Quý IV/2018. (do doanh thu tài chính và cây cao su thanh lý quý IV/ 2019 tăng so với quý IV/2018)

+ Lợi nhuận khác Quý IV/2019 tăng : 10.497.496.901 VND

Do đó, lợi nhuận sau thuế Quý IV/2019 tăng: 36.317.867.604 VND hay tăng 74,73% so với Quý IV/2018.

Ngày 04 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Huong

Phạm Ngọc Huy



VÕ DUY HƯỚNG

Hồ Cường